

Số: /QĐ-CHK

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình xử lý công thư của ICAO (State Letters),
xác định và thông báo sự khác biệt trong việc thực hiện các tiêu chuẩn và
khuyến cáo thực hành của ICAO (SARP) và Phương thức không vận (PANS)**

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 7/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam; Quyết định 1055/QĐ-BGTVT ngày 31/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2606/QĐ-BGTVT ngày 07/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng;

Căn cứ Phụ lục số 15 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị quyết số A38-11 của Đại hội đồng ICAO;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Pháp chế - Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình xử lý công thư của ICAO, xác định và thông báo sự khác biệt giữa các quy định của Việt Nam với các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO (SARPs) và Tài liệu về phương thức không vận (PANS)”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 2291/QĐ-CHK ngày 13/12/2016 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ban hành Quy trình xử lý công thư của ICAO (State Letters), xác định và thông báo sự khác biệt trong việc thực hiện các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO (SARPs) và Phương thức không vận (PANS).

Điều 3. Trưởng Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc yêu cầu gửi ý kiến về Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế để kịp thời báo cáo Cục trưởng chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, PCHTQT.

CỤC TRƯỞNG

Đinh Việt Thắng

**QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG CÔNG THƯ ICAO (STATE LETTERS),
XÁC ĐỊNH VÀ THÔNG BÁO SỰ KHÁC BIỆT TRONG VIỆC THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHUẨN, KHUYẾN CÁO THỰC HÀNH (SARPs) VÀ
CÁC PHƯƠNG THỨC KHÔNG VẬN (PANS)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHK ngày /6/2021)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Tiêu chuẩn: là bất kỳ đặc điểm kỹ thuật về đặc tính vật lý, cấu hình, trang thiết bị, tính năng, nhân viên hoặc các thủ tục mà việc áp dụng thống nhất các nội dung này được công nhận là cần thiết cho sự an toàn, điều hòa, hiệu quả hoạt động bay quốc tế và theo đó các Quốc gia ký kết sẽ tuân thủ theo quy định của Công ước; trong trường hợp không thể tuân thủ, việc thông báo cho Hội đồng là bắt buộc theo Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng.

2. Khuyến cáo thực hành: là bất kỳ đặc điểm kỹ thuật về đặc tính vật lý, cấu hình, trang thiết bị, tính năng, nhân viên hoặc các thủ tục mà việc áp dụng thống nhất các nội dung này được công nhận là cần thiết cho sự an toàn, điều hòa, hiệu quả hoạt động bay quốc tế và theo đó các Quốc gia ký kết sẽ cố gắng tuân theo quy định của Công ước; trong trường hợp không thể tuân thủ, việc thông báo cho Hội đồng được khuyến khích theo các Nghị quyết Đại hội đồng.

3. Sự khác biệt theo Điều 38 Công ước quốc tế về Hàng không dân dụng và Nghị quyết A38-11 của Đại hội đồng ICAO được xác định như sau:

a) Quy định và việc thực hiện của Việt Nam đòi hỏi cao hơn SARPs hoặc PANS tương ứng, hoặc áp đặt một nghĩa vụ mà không được SARPs hoặc PANS điều chỉnh;

b) Quy định của Việt Nam khác về đặc tính hoặc các biện pháp tuân thủ so với quy định của ICAO. Dạng này được áp dụng khi quy định và thực tiễn của Việt Nam khác với SARPs, PANS tương ứng, hoặc khi các quy định của Việt Nam khác về nguyên tắc, loại hoặc tính hệ thống so với SARPs, PANS tương ứng mà không nhất thiết phải áp đặt một nghĩa vụ bổ sung;

c) Quy định của Việt Nam thấp hơn, chưa được thực hiện đầy đủ hoặc chưa được thực hiện theo các quy định của SARPs, PANS tương ứng hoặc quy định của Việt Nam chưa được ban hành để áp dụng một phần hoặc toàn bộ các SARPs, PANS tương ứng hoặc Việt Nam không tuân thủ các SARPs, PANS tương ứng.

Điều 2. Nhận diện và thông báo sự khác biệt

1. Các Phòng có trách nhiệm đánh giá, xác định sự khác biệt với các yêu cầu của ICAO tại các Phụ lục tương ứng theo phân công tại Phụ lục 1 của Quy trình này.

2. Việc rà soát, đối chiếu và nhận diện khác biệt phải được lập thành văn bản hoặc dữ liệu điện tử và có sự đánh giá đối với từng SARPs cụ thể hoặc các điều khoản tương ứng đối với PANS.

3. Các khác biệt quan trọng sau phải được thể hiện trong tập Tập thông báo tin tức hàng không của Việt Nam (AIP Việt Nam):

- a) Khác biệt với các tiêu chuẩn quốc tế quy định tại các Phụ lục của ICAO;
- b) Khác biệt với các khuyến cáo thực hành nêu tại các Phụ lục của ICAO quan trọng đối với an toàn hoạt động bay và những khuyến cáo trong lĩnh vực đơn giản hóa thủ tục liên quan đến hải quan, xuất nhập cảnh tàu bay và hàng hóa;
- c) Phương thức không vận (PANS) quan trọng đối với an toàn bay;
- d) Các phương thức bổ sung khu vực (SUPPs) quan trọng đối với an toàn hoạt động bay.

Điều 3. Xử lý Công thư về đề xuất tu chỉnh đối với SARPs, PANS

1. Ngay sau khi nhận được Công thư của ICAO về đề xuất tu chỉnh, Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế đăng ký vào hệ thống quản lý Công thư và căn cứ nội dung liên quan để gửi Phòng chuyên môn chủ trì xử lý theo phân công tại Phụ lục I của Quy trình này đồng thời gửi lãnh đạo Cục phụ trách đề báo cáo.

2. Phòng chủ trì xử lý có trách nhiệm nghiên cứu Công thư của ICAO và báo cáo lãnh đạo Cục phụ trách về các nội dung sau:

- a) Đánh giá tác động của các đề xuất tu chỉnh khi được áp dụng tại Việt Nam; sự cần thiết phải nghiên cứu bổ sung, việc lấy ý kiến các cơ quan đơn vị có liên quan (nếu có); khả năng tuân thủ của Việt Nam;
- b) Dự kiến kế hoạch xây dựng hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hoặc các văn bản có hiệu lực pháp lý khác để thực hiện SARPs và PANS tại Việt Nam;
- c) Dự kiến kế hoạch triển khai thực hiện các SARPs và PANS được tu chỉnh;
- d) Dự thảo nội dung văn bản trả lời gửi ICAO theo mẫu (Response Form) theo thời hạn quy định.

3. Trường hợp thấy rằng Việt Nam chưa thể tuân thủ ngay khi các tu chỉnh này có hiệu lực theo ngày dự kiến tại thông báo tại Công thư, Phòng chủ trì xử lý lập danh mục các khác biệt gồm các nội dung sau:

- a) Số lượng các đoạn hoặc các điểm được đề xuất tu chỉnh có sự khác biệt so với các quy định của Việt Nam;
- b) Lý do chưa tuân thủ, nêu các quy định hoặc thực tiễn Việt Nam đang áp dụng và mô tả rõ ràng và ngắn gọn về những khác biệt này;
- c) Dự kiến kế hoạch tuân thủ và thời điểm Việt Nam xác nhận tuân thủ và loại bỏ sự khác biệt;
- d) Các hình thức khác biệt và việc mô tả sự khác biệt được nêu tại Phụ lục II của Quy chế này.

4. Trước ngày hết hạn trả lời như được xác định tại từng Công thư ít nhất 10 ngày, Phòng chủ trì xử lý báo cáo lãnh đạo Cục tổ chức cuộc họp Tổ tiêu chuẩn hóa các quy định về an toàn hàng không (ASST) để thông qua nội dung trả lời ICAO về việc đồng ý, không đồng ý đối với các đề xuất tu chỉnh SARPs.

5. Trước ngày hết hạn trả lời ít nhất 3 ngày, Phòng chủ trì xử lý gửi văn bản trả lời ICAO để Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế thực hiện thủ tục gửi văn bản trả lời ICAO trong thời hạn yêu cầu, sau khi được lãnh đạo Cục phụ trách phê duyệt.

6. Nội dung văn bản trả lời ICAO theo mẫu (Response Form) phải xác định được ý kiến trả lời thuộc một trong hai trường hợp sau:

- a) Đồng ý với nội dung dự thảo đề xuất kèm nhận xét, ý kiến (nếu có);
- b) Không đồng ý với nội dung dự thảo đề xuất kèm nhận xét, ý kiến (nếu có).

Điều 4. Đối với Công thư thông báo việc thông qua tu chỉnh đối với SARPs, PANS

1. Ngay sau khi nhận được Công thư thông báo thông qua tu chỉnh, Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế gửi lại theo các địa chỉ tại khoản 1 Điều 3.

2. Phòng chủ trì xử lý rà soát từng nội dung SARPs, PANS chính thức đã được sửa đổi theo nội dung đã báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3; rà soát danh mục theo quy định tại khoản 4 Điều 3; lập danh mục các khác biệt thỏa mãn các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3.

3. Sau khi lãnh đạo Cục thông qua các nội dung tại khoản 2 Điều này, trước hạn trả lời 7 ngày, Phòng chủ trì xử lý Công thư ICAO có nhiệm vụ:

- a) Gửi Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế tài liệu liên quan để thực hiện quy trình thông báo cho ICAO và quản lý theo hệ thống ISTAR của ICAO;
- b) Gửi Phòng Quản lý hoạt động bay danh mục các khác biệt quan trọng để thực hiện thủ tục công bố trên AIP;
- c) Gửi Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế kế hoạch sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các SARPs, PANS có hiệu lực;
- d) Cập nhật khác biệt trên hệ thống CC-EFOD của ICAO theo phạm vi các Phụ lục được giao trách nhiệm;
- đ) Triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch được lãnh đạo Cục phê duyệt theo nội dung tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Đối với Công thư khác

1. Ngay sau khi nhận được Công thư của ICAO ngoài trường hợp quy định tại Điều 3 và 4 Quy chế này, Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế đăng ký vào hệ thống quản lý Công thư và căn cứ nội dung liên quan gửi các Phòng đồng thời gửi lãnh đạo Cục phụ trách lĩnh vực Phòng chủ trì xử lý.

2. Các Phòng chủ trì xử lý của Cục HKVN nghiên cứu Công thư của ICAO, báo cáo lãnh đạo Cục phụ trách, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần thiết).

3. Sau khi lãnh đạo Cục có ý kiến về nội dung trả lời ICAO, Phòng chủ trì xử lý thực hiện các nhiệm vụ và dự thảo nội dung công văn trả lời.

4. Trước ngày hết hạn trả lời ít nhất 3 ngày, Phòng chủ trì xử lý gửi tài liệu liên quan để Phòng Pháp chế-Hợp tác quốc tế thực hiện thủ tục gửi công văn trả lời ICAO trong thời hạn yêu cầu, sau khi được lãnh đạo Cục phụ trách phê duyệt.

Điều 6. Phương thức trao đổi

1. Việc triển khai xử lý Công thư được thực hiện trên phần mềm quản lý tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO (SARPs Management and Implementation System - SMIS).

2. Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay phân quyền cho Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế để quản lý, phân phát và tiếp nhận xử lý trả lời của các Phòng chuyên môn thông qua phần mềm SMIS.

3. Các Phòng chủ trì xử lý Công thư có trách nhiệm cử chuyên viên làm đầu mối tiếp nhận, xử lý và trả lời, phối hợp với Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế.

CỤC TRƯỞNG

Đinh Việt Thắng

Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CỤC

STT	Nội dung Công ước	Chủ trì	Phối hợp
Phụ lục 1 (Annex 1)	Giấy phép nhân viên hàng không (Personnel Licensing)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 2 (Annex 2)	Quy tắc bay (Rules of the Air)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 3 (Annex 3)	Dịch vụ khí tượng không vận quốc tế (Meteorological Service for International Air Navigation)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 4 (Annex 4)	Bản đồ hàng không (Aeronautical Charts)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 5 (Annex 5)	Các đơn vị đo lường sử dụng trên không và khai thác mặt đất (Units of Measurement to be Used in Air and Ground Operations)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 6 (Annex 6)	Khai thác tàu bay (Operation of Aircraft)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 7 (Annex 7)	Quốc tịch và Dấu hiệu đăng ký tàu bay (Aircraft Nationality and Registration Marks)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 8 (Annex 8)	Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của tàu bay (Airworthiness of Aircraft)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 9 (Annex 9)	Đơn giản hóa thủ tục (Facilitation)	Phòng An ninh hàng không	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 10 (Annex 10)	Thông tin hàng không (Aeronautical Telecommunications)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 11 (Annex 11)	Dịch vụ không lưu (Air Traffic Services)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan

Phụ lục 12 (Annex 12)	Tìm kiếm và cứu nạn (Search and Rescue)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 13 (Annex 13)	Điều tra tai nạn và sự cố tàu bay (Aircraft Accident and Incident Investigation)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 14 (Annex 14)	Cảng hàng không, sân bay (Aerodromes)	Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 15 (Annex 15)	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không (Aeronautical Information Services)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 16 (Annex 16)	Bảo vệ môi trường (Environmental Protection)	Phòng Khoa học, công nghệ và môi trường	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 17 (Annex 17)	An ninh: Bảo vệ hàng không dân dụng quốc tế chống lại các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Security: Safeguarding International Civil Aviation Against Acts of Unlawful Interference)	Phòng An ninh hàng không	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 18 (Annex 18)	Vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không (The Safe Transport of Dangerous Goods by Air)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
Phụ lục 19 (Annex 19)	Hệ thống quản lý an toàn (Safety Management System)	Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan
PANS	Phương thức không vận (Procedures for Air Navigation Service)	Phòng Quản lý hoạt động bay	PC- HTQT và các đơn vị có liên quan

Phụ lục II
PHƯƠNG PHÁP MÔ TẢ SỰ KHÁC BIỆT

1. Yêu cầu của quốc gia cao hơn quy định của SARPs

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 2, 3.3.1.3	A flight plan shall be submitted before departure to an air traffic services reporting office or, during flight, transmitted to the appropriate air traffic services unit or air-ground control radio station, unless arrangements have been made for submission of repetitive flight plans.	For flights crossing international borders, the flight plan should be submitted at least 30 minutes prior to departure	This additional requirement is necessary for the air traffic flow management system and procedures used (in the State notifying the difference)

2. Yêu cầu của quốc gia thành viên khác về đặc tính hoặc biện pháp tuân thủ:

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 3, 6.5.3	Area forecasts for low-level flights prepared in support of the issuance of AIRMET information shall be issued every 6 hours for a period of validity of 6 hours and transmitted to meteorological watch offices and/or aerodrome meteorological offices concerned not later than one hour prior to the beginning of their validity period.	The area forecasts are issued every 3 hours instead of 6 hours, from 0700 to 2200 local time, and once at 0100 with a validity of 6 hours (until 0700)	The frequency and issuance periods are considered to offer a better benefit/cost ratio.

3. Yêu cầu của quốc gia thành viên thấp hơn, chưa được thực hiện đầy đủ hoặc chưa được thực hiện

Annex reference	Provision	Text of the difference	Comments, including the reason for the difference
Annex 11, 2.31.1	Each prohibited area, restricted area, or danger area established by a State shall, upon initial establishment, be given an identification and full details shall be promulgated.	Even though this standard is implemented in practice, it has not been incorporated into national regulations.	Incorporation is planned for the 2016 air traffic services code of regulations update.
